TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2022/DS -ST
Ngày: 09 tháng 8 năm 2022
V/v tranh chấp "*Hợp đồng mua bán tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Cười.

2. Bà Nguyễn Thị Loan.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên toà:* Bà Trần Thị Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2022, về việc tranh chấp "*Hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1962 (Có mặt).
Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện G, tỉnh T.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1963 (Có mặt).
Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 6 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày: Vào năm 2007, ông có mua bán thức ăn chăn nuôi heo với bà Lê Thị Thu T, hình thức bán gối đầu sau khi bán heo sẽ thanh toán tiền thức ăn. Đến ngày 05 tháng 3 năm 2017, bà T không trả tiền thức ăn như thỏa thuận nên ông không bán thức ăn cho bà T nữa nên ông và bà T có kết sổ lại, bà T còn nợ ông số tiền 133.849.000 đồng. Sau khi kết nợ, ông và bà T có thỏa thuận cho bà T 03 tháng trả một lần với số

tiền 10.000.000 đồng, trả cho đến khi hết nợ, bà T đã trả cho ông được nhiều lần với số tiền 59.000.000 đồng (do bà T trả nhiều lần nên ông không nhớ rõ thời gian cụ thể). Tuy nhiên, sau đó bà T không thực hiện trả nợ như thỏa thuận, ông có đến nhà bà T nhiều lần để trao đổi với bà T về việc trả nợ nhưng bà T vẫn không trả nợ nên đến ngày 24 tháng 4 năm 2022, ông và bà T kết sổ lại lần nữa, xác định bà T còn nợ ông số tiền 74.490.000 đồng và hai bên cũng không có thỏa thuận khác. Tất cả các lần kết sổ đối chiếu nợ bà T đều có ký tên xác nhận vào sổ ghi chép mua bán thức ăn và ông đã nộp sổ này cho Tòa án. Do bà T không thực hiện việc trả nợ nên ngày 01 tháng 6 năm 2022 ông khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết. Nay ông yêu cầu bà T trả cho ông số tiền 74.490.000 đồng làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật, ông không yêu cầu tính lãi.

* Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Lê Thị Thu T trình bày: Bà thừa nhận năm 2007, bà có mua thức ăn chăn nuôi heo của ông N. Tuy nhiên, do dịch bệnh chăn nuôi thua lỗ nên đến năm 2016 thì bà không còn chăn nuôi heo nữa. Khi đó bà có bán heo, bán đất để trả ông N số tiền 220.000.000 đồng và còn nợ lại ông N 133.490.000 đồng. Từ năm 2016 đến nay, số tiền còn nợ lại bà đã trả cho ông N nhiều lần với tổng số tiền là 59.000.000 đồng. Bà xác định hiện nay, bà còn nợ ông N 74.490.000 đồng, do tình hình dịch bệnh covid 19 và hiện nay bà cũng bị bệnh không có làm việc gì có thu nhập, hàng tháng phải nhờ các con cho tiền để sinh sống, mua thuốc uống nên bà xin trả dần cho ông N mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015 xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N. Buộc bà Lê Thị Thu T có nghĩa vụ trả cho ông N số tiền 74.490.000 đồng, làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng của các đương sự tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn N khởi kiện đối với bà Lê Thị Thu T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Bà Lê Thị Thu T có hộ khẩu thường trú tại huyện Gò Công Đông căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1

Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Giữa ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị Thu T thực tế có giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi heo. Khi hai bên giao dịch mua bán có thỏa thuận phương thức thanh toán. Tuy nhiên, trong quá trình giao dịch bà T đã vi phạm thỏa thuận, ông Nguyễn Văn N đã nhiều lần yêu cầu bà T trả số tiền còn nợ nhưng bà T không trả nên các bên đã chốt lại số tiền bà T còn nợ vào ngày 24 tháng 4 năm 2022 là 74.490.000 đồng và các bên có lập bảng đối chiếu công nợ, bà T có ký ghi họ tên vào bảng đối chiếu công nợ này.

Bà T thừa nhận có nợ ông N số tiền là 74.490.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn bà T xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Việc bà T thừa nhận có nợ ông N số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi heo là 74.490.000 đồng nên đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nên việc ông N khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền mua bán thức ăn còn nợ 74.490.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật tại Điều 430, 433, 440 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hội đồng xét xử nhận định việc bà T nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi heo của ông N thời gian đã lâu nhưng đến tại thời điểm xét xử ngày 09/8/2022 bà T vẫn chưa trả số tiền nợ cho ông N nên cần buộc bà T có nghĩa vụ trả cho ông N số tiền mua thức ăn chăn nuôi gia súc còn nợ là 74.490.000 đồng, làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật theo như yêu cầu khởi kiện của ông N là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

Do ông N không có yêu cầu tính lãi đối với số tiền 74.490.000 đồng mà bà T còn nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị đơn bà Lê Thị Thu T phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, bà T có giao nộp cho Tòa án đơn xin giảm án phí đề ngày 19 tháng 7 năm 2022 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang về việc hiện nay bà T có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn và bà T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa là do tình hình dịch bệnh covid 19 nên bà không làm gì có thu nhập. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án giảm 50% án phí cho bà T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các 430, 433, 440 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N.

- Buộc bà Lê Thị Thu T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền 74.490.000 đồng *(Bảy mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi đồng)*, làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật .

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Thu T phải nộp 1.862.250 đồng *(Một triệu tám trăm sáu mươi hai ngàn hai trăm năm mươi đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn N là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí nên không hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho ông N.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND H.GCĐ;
- CC.THADS H.GCĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Lê Ngọc Duy Linh